

Bản án số: 07/2019/KDTM-PT

Ngày: 24/7/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Với T phần Hội đồng xét xử P1c thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Bà Hoàng Phương Lý - kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án P1c thẩm thụ lý số 06/2015/TLPT-KDTM ngày 06/7/2015 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án KDTM sơ thẩm số 06/2015/ KDTM-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân TP T bị kháng cáo, theo Quyết định đưavụ án ra xét xử P1c thẩm số 11/2019/QĐ-PT ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Địa chỉ: 198 K – Quận K1 - Hà Nội

- Ng- ời đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Ng- ời đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H - PGĐ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH D- ọc phẩm P

Địa chỉ: Số 126 T1, ph- ờng B, TP Thanh Hóa

- Ng- ời đại diện theo pháp luật: Bà VũThị L - Giám đốc Công ty.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Ông Vũ Văn H1- SN 1969

Địa chỉ: Số 128B T1, phường B, TP Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Văn Hưng: Ông Phạm Hùng T2 - Luật sư Công ty Luật Hợp Danh Hoàng Gia, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo:**

1. Ông Vũ Tiến P1 và bà Nguyễn Thị P2

Địa chỉ: Số 128 T1, phường B, TP Thanh Hóa

2. Bà Hoàng Thị An và ông Vũ Hưng T3

Địa chỉ: Số 05 ngõ 18 Cao Điền, phường S, TP Thanh Hóa

(Bà An ủy quyền cho ông Vũ Hưng T3 đại diện tham gia tố tụng).

3. Phòng Công chứng số 1 Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ Lê Lợi, TP T

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Trọng B1 – Trưởng văn phòng

4. Ủy Ban nhân dân TP T

Địa chỉ: 27 Trần P1, phường Điện Biên, TP T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Ngữ - Chuyên viên PTNMT

*** Kháng cáo:** Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ông Vũ Văn H1; Ông Vũ Tiến P1; Bà Hoàng Thị An.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, ông H1, ông T3 (đại diện theo ủy quyền cho bà An). Vắng mặt đại diện bị đơn, phòng Công chứng số 1 Thanh Hóa, Ủy Ban nhân dân TP T và ông P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày:*

Vào năm 2011 và năm 2012, Công ty TNHH Dược phẩm P đã ký hai hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cụ thể:

Ngày 20/10/2011 Công ty TNHH Dược phẩm P đã ký hợp đồng tín dụng số 265/ 2011/HĐTD- KHDN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa. Hạn mức vay 10.000.000.000đ, thời hạn rút vốn vay là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng này là 19%/ năm, được điều chỉnh theo thông báo của Vietcombank Thanh Hóa.

Ngày 20/11/2012, Công ty TNHH Dược phẩm P đã ký hợp đồng tín dụng số 288/ 2012/HĐTD- KHDN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -Chi nhánh Thanh Hóa. Hạn mức vay 10.000.000.000đ, thời hạn rút vốn vay là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng này là 12,5%/ năm, được điều chỉnh theo thông báo của Vietcombank Thanh Hóa.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên gồm:

1- 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín để xây dựng trên tổng diện tích đất 87,5m²; tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 06 địa chỉ 128 T1, phường B, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 963763 do UBND TP T cấp ngày 23/5/2006 cho ông Vũ Tiến P1 và bà Nguyễn Thị P2 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01150BDDQSDDD/1475/QĐ-CT.

2- 01 nhà ở 02 tầng trên diện tích đất 100m² tại thửa đất 135 thuộc bản đồ 03 địa chỉ 128B T1, phường B, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 148308 do UBND TP T cấp ngày 27/4/2011 cho ông Vũ Văn H1 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00335/1674/QĐ-UBND.

3- 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín để xây dựng trên tổng diện tích đất 334,0m²; tại thửa đất số 640a tờ bản đồ số 02 địa chỉ Thôn G, xã Quảng T3, TP T, cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG377888 do UBND huyện X cấp ngày 01/9/2009 cho ông Nguyễn Đức Tỉnh vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04481/QSDĐ.

4- 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín để xây dựng trên diện tích đất 80m²; tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 09 địa chỉ 05/18 Cao Điền, phường

S, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 2701082831 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/2/1996 cho ông Vũ Hưng T3 và bà Hoàng Thị An.

5- Diện tích đất 80m² thuộc thửa đất số 00 tờ bản đồ số 19 địa chỉ thửa đất lô 26- MBQH số 19XD/UBTH, phường Đông Sơn, TP T. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 682289 do UBND TP T cấp ngày 21/4/2006 cho ông Nguyễn Anh T4 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01402 ĐQSDD/1077/QĐ- CT, đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Đỗ Mạnh Hồng sinh năm 1980 theo Hợp đồng chuyển nhượng được phòng công chứng số 3 tỉnh Thanh Hóa công chứng số 897 quyền 01 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29/8/2009.

Ngân hàng TMCP Ngoại th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa đã cho Công ty TNHH Dược phẩm P vay theo các giấy nhận nợ là **32.188.380.993đ**. Công ty TNHH Dược phẩm P đã thanh toán số tiền gốc là **23.197.418.008đ**. Tính đến ngày 31/3/2014 Công ty TNHH Dược phẩm P còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa tổng số tiền **10.969.717.753 đ**, trong đó: Nợ gốc: **8.990.962.985đ**; Tiền lãi: **1.419.891.165đ**; Tiền lãi quá hạn: **558.863.603đ**.

Nay Ngân hàng TMCP Ngoại th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa yêu cầu Công ty TNHH Dược phẩm P phải trả toàn bộ số tiền còn nợ 10.969.717.753 đ, trong đó: Nợ gốc: 8.990.962.985đ; Tiền lãi: 1.419.891.165đ; Tiền lãi quá hạn: 558.863.603đ và lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Đề nghị Tòa án tuyên kê biên toàn bộ tài sản thế chấp tài sản bảo đảm đã thế chấp nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ.

- *Bị đơn Công ty TNHH Dược phẩm P*: Thừa nhận quá trình ký kết và thực hiện HĐ tín dụng nh- Ngân hàng trình bày là đúng. Quá trình thực hiện Hợp đồng do kinh doanh khó khăn nên Công ty ch- a trả đ- ợc hết nợ cho Ngân hàng th- ơng mại cổ phần Ngoại th- ơng Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa đ- ợc. Tính đến ngày 31/3/2014, Công ty TNHH Dược phẩm P còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa tổng số tiền **10.969.717.753 đ**.

Trong đó: Nợ gốc: **8.990.962.985đ**; Tiền lãi: **1.419.891.165đ**; Tiền lãi quá hạn: **558.863.603đ**. Công ty sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng.

** Theo trình bày ng- ời có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan:*

- Ông *Vũ Tiến P1* và bà *Nguyễn Thị P2* trình bày: Ông bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH Dược phẩm P. Tài sản thế chấp gồm: 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên tổng diện tích đất 87,5m²; tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 06, địa chỉ 128 T1, ph- ờng B, Tp Thanh Hóa. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 963763 do UBND TP T cấp ngày 23/5/2006 cho ông *Vũ Tiến P1* và bà *Nguyễn Thị P2*, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01150BDDQSDDD/1475/QĐ-CT.

Việc Cty TNHH Dược phẩm P còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa tổng số tiền cả gốc và lãi là 10.969.717.753đ. Đề nghị để Cty TNHH Dược phẩm P thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Tr- ờng hợp Cty TNHH Dược phẩm P không còn khả năng trả nợ thì mới xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay trên.

- Ông *Vũ Hưng T3* và bà *Hoàng Thị An* trình bày: Do anh em trong nhà nên ông bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH Dược phẩm P. Tài sản thế chấp gồm: 01 nhà hai tầng kiên cố, công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên diện tích đất 80m²; tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09, địa chỉ 05/18 Cao Điền, ph- ờng S, Tp Thanh Hóa. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 2701082831 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/2/1996 cho ông *Vũ Hưng T3* và bà *Hoàng Thị An*.

Việc Cty TNHH Dược phẩm P còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa tổng số tiền cả gốc và lãi là 10.969.717.753đ. Đề nghị để Cty TNHH Dược phẩm P thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Tr- ờng hợp Cty TNHH Dược phẩm P không còn khả năng trả nợ thì mới xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay trên.

- Ông Vũ Văn H1 trình bày: Vì mối quan hệ là anh em trong nhà nên ông có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH Dược phẩm P. Tài sản thế chấp gồm: 01 Nhà ở cấp 4 trên diện tích đất 100m², tại thửa đất 135, thuộc bản đồ 03, địa chỉ 128B T1, phường B, TP Thanh Hóa. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 148308 do UBND TP T cấp ngày 27/4/2011 cho ông Vũ Văn H1 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00335/1674/QĐ-UBND.

Ngày 15/4/2014, ông Vũ Văn H1 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Hủy Hợp đồng thế chấp giữa ông H1 và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Buộc Ngân hàng Ngoại thương phải xóa thế chấp và trả lại GCNQSD đất số BE 148308 đứng tên ông H1; Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngoại thương về việc buộc ông H1 phải liên đới trả nợ thay cho Công ty TNHH dược phẩm P và bác yêu cầu kê biên tài sản thế chấp là nhà đất tại 128B, T1, p. B, TP T.

Ngày 15/5/2014, ông H1 có đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ đối với yêu cầu của ông với lý do đợi kết quả giải quyết của vụ án khác.

Ngày 04/6/2014, Ngân hàng ngoại thương Việt Nam có đơn đề nghị tách phần nghĩa vụ của bên ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ của ông H1 để giải quyết bằng một vụ án khác.

Đến ngày 23/9/2014, ông H- ng lại có đơn đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết yêu cầu độc lập của ông. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam đề nghị ông H1 phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH Dược phẩm P.

- Văn phòng Công chứng số 1 trình bày: Ngày 01/12/2011, ông Vũ Văn H1 trú tại số nhà 128B T1, phường B, TP T cùng bà Vũ Thị L là giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm P và Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa mang hồ sơ thế chấp đến văn phòng Công Chứng số 1 Thanh Hóa, yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp căn nhà số 128B T1 mà Ngân hàng và các bên thế chấp đã soạn thảo sẵn. Sau khi xem xét kiểm tra hồ sơ thấy nhà đất tại số 128B T1 đã có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND TP T

cấp ngày 27/4/2011 cho ông Vũ Văn H1 và không có tranh chấp. Các bên hoàn toàn tự nguyện và ký từng trang của hợp đồng và có phiếu yêu cầu công chứng. Việc công chứng hợp đồng thế chấp số 1288, quyển 01 ngày 01/12/2011 của phòng Công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- *Đại diện UBND TP T trình bày:* Khi ông H1 yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H1, căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H1, xét thấy hồ sơ đầy đủ nên UBND TP T ban hành Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 và việc cấp giấy là đúng trình tự, thủ tục.

Tại phiên toà sơ thẩm: Đại diện Ngân hàng th-ơng mại cổ phần Ngoại th-ơng Việt Nam yêu cầu Công ty TNHH Dược phẩm P phải thanh toán cho Ngân hàng th-ơng mại cổ phần Ngoại th-ơng Việt Nam tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/5/2015 số tiền gốc: **8.990.962.985đ**; Tiền lãi trong hạn là **2.714.273.539đ**, lãi phạt quá hạn là **1.206.054.790đ**. Trong trường hợp công ty TNHH Dược Phẩm P không trả được yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên xử lý các tài sản thế chấp của bên thứ ba là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H1 hủy HĐ thế chấp thì đề nghị tòa xem xét hậu quả của việc hủy HĐ, buộc ông H1 phải bồi thường thiệt hại và phải có trách nhiệm trả thay cho Công ty TNHH Dược phẩm P đối với số tiền ông thế chấp nhà đất 128B, T1, phường B, TP T.

Bản án số 06/2015/ KDTM-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân TP T, tỉnh Thanh Hóa:

Áp dụng: Điểm m Khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 1 Điều 33, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 3 Điều 159, Khoản 3 Điều 202, Điểm b Khoản 2 Điều 199, Điều 243, Khoản 1 Điều 245 của BLTTDS; Điều 128, Điều 342, 355, 471, 476 BLDS; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng th-ơng mại cổ phần Ngoại th-ơng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá.

1- Buộc Công ty TNHH Dược phẩm P phải trả cho Ngân hàng

th- ơng mại cổ phần Ngoại th- ơng Việt Nam số tiền nợ 12.911.291.311đ trong đó gốc: 8.990.962.985đ;Tiền lãi3.920.328.326đ. Trong đó lãi trong hạn là: 2.714.273.536đ, lãi phạt quá hạn là: 1.206.054.790đ.

Kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm, Công ty TNHH Dược phẩm P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Ngoại Th- ơng Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nh- ng Công ty CP Dược Phẩm P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên, thì ngân hàng TMCP Ngoại Th- ơng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự TP Thanh Hóa kê biên để xử lý theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Dược phẩm P để đảm bảo cho việc thi hành án gồm:

1- 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên tổng diện tích đất 87,5m²; tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 06 địa chỉ 128 T1, ph- ờng B, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 963763 do UBND TP T cấp ngày 23/5/2006 cho ông Vũ Tiến P1 và bà Nguyễn Thị P2 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01150BDDQSDDD/1475/QĐ- CT

2- 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên tổng diện tích đất 334,0m²; tại thửa đất số 640a tờ bản đồ số 02 địa chỉ Thôn G, xã Quảng T3, TP T, cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG377888 do UBND huyện X cấp ngày 01/9/2009 cho ông Nguyễn Đức Tỉnh vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04481/QSDĐ.

3- 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên diện tích đất 80m²; tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 09 địa chỉ 05/18 Cao Điền, ph- ờng S, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 2701082831 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/2/1996 cho ông Vũ H1 T3 và bà Hoàng Thị An.

4- Diện tích đất 80m² thuộc thửa đất số 00 tờ bản đồ số 19 địa chỉ thửa đất lô 26- MBQH số 19XD/UBTH, phường Đông Sơn, TP T. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 682289 do UBND TP T cấp ngày 21/4/2006 cho ông Nguyễn Anh T4 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01402 ĐSQSDD/1077/QĐ- CT, đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Đỗ Mạnh Hồng sinh năm 1980, theo Hợp đồng chuyển nhượng được phòng công chứng số 3 tỉnh Thanh Hóa công chứng số 897 quyền 01 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29/8/2009

- Đối với ông Vũ Văn H1 trường hợp Công ty TNHH Dược Phẩm P không trả được cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, thì ông H1 phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH Dược Phẩm P số tiền 2.582.258.000đ.

- Giành quyền cho ông H1 khởi kiện Công ty dược phẩm P đối với số tiền trả nợ thay cho Công ty dược phẩm P bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

2- Chấp nhận yêu cầu của ông H1 hủy Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 11/12/2011 giữa Công ty P, Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa và ông Vũ Văn H1, buộc Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam phải xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 148308 đứng tên Vũ Văn H1 cho ông H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 03/6/2015, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:*

1. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 06/2015/KDTM-ST ngày 19/05/2015, cụ thể yêu cầu hủy Điều 2- Phần Quyết định của Bản án “*Chấp nhận yêu cầu của ông H1 hủy bỏ Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 giữa Công ty P, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa và ông Vũ Văn H1 và buộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 148308 đứng tên Vũ Văn H1 cho ông H1*”.

2. Yêu cầu sửa Điểm 4 Mục 1 của Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2015/KDTM - ST ngày 19/05/2015 của TAND TP T theo hướng buộc ông Vũ Văn H1 và những người bảo lãnh khác phải liên đới thực hiện trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 12.911.921.311 đồng trong trường hợp Công ty TNHH được phẩm P không trả được nợ. Và tuyên rõ trong Bản án P1c thẩm: “Sau khi ông Vũ Văn H1 và Công ty TNHH được phẩm P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh của ông H1 thì Ngân hàng mới xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE148308 ngày 27/04/2011 cho ông Vũ Văn H1.

** Ngày 29/5/2015, ông Vũ Văn H1 kháng cáo với nội dung:* Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Tuyên ông Vũ Văn H1 không phải trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 2.582.258.000 đồng trong trường hợp Công ty TNHH được phẩm P không trả được nợ.

Ngoài ra ông H1 xin bảo lưu quyền kháng cáo đối với toàn bộ bản án KDTM sơ thẩm 06/2015/KDTM - ST ngày 19/05/2015 của TAND TP T tại cấp P1c thẩm nếu thấy cần thiết.

** Ngày 01/6/2015, ông Vũ Tiến P1 và bà Hoàng Thị An kháng cáo với nội dung:*

1. Buộc Công ty TNHH được phẩm P phải có trách nhiệm trả nợ khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

2. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa định giá nhà ông P1, bà P2 3.145.000.000VNĐ, cho vay 2,8 tỷ đồng (cho vay 89,03%); Định giá nhà ông T3, bà An 1,3 tỷ, cho vay 1,18 tỷ (cho vay trên 90,8%) là không đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Trong Hợp đồng thế chấp không có ghi số tiền đảm bảo mà chỉ ghi giá trị tài sản, người thế chấp tài sản không được cán bộ ngân hàng tư vấn, trao đổi nên không rõ số tiền mình đảm bảo gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng tới cuộc sống sau này nếu xảy ra bất trắc. Điều ấy có phù hợp với nguyên tắc trong giao dịch?

4. Trong trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P. Nguyễn vọng các gia đình được hưởng một phần kinh phí 25% giá trị thế chấp để tái lập cuộc sống.

Tại phiên tòa P1c thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo ngày 03/6/2015. Ngoài ra Ngân hàng bổ sung nội dung kháng cáo: Nếu Tòa án tuyên HĐ thế chấp giữa ông H1 và Ngân hàng vô hiệu thì đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của HĐ vô hiệu, buộc UBND TP T, phòng công chứng số 1 Thanh Hóa và ông Vũ Văn H1 phải liên đới bồi thường cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Ông Vũ Văn H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn kháng cáo ngày 29/5/2015, đồng thời xin rút một phần yêu cầu độc lập về nội dung đề nghị Ngân hàng trả lại GCNQSD đất mang tên ông H1 vì Bản án DSST số 28/2016 ngày 21/9/2016 của TANDTP T và Bản án DSPT số 03/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã tuyên hủy GCNQSD đất cấp cho ông H1. Đề nghị cấp P1c thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Ngoài ra để đảm bảo đúng thuật ngữ pháp luật, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thực định tại thời điểm giải quyết P1c thẩm, tạo thuận lợi cho việc thi hành án của các đương sự, ông H1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị cấp P1c thẩm sửa nội dung tuyên buộc Ngân hàng phải “Xóa thế chấp” bằng “Ông H1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền nộp hồ sơ xóa đăng ký biện pháp bảo đảm” liên quan đến nhà đất 128B T1 theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 21 NĐ 102/2017/NĐ - CP ngày 01/9/2017 của CP vì Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 bị vô hiệu và sửa án sơ thẩm về cách tuyên không tuyên hủy Hợp đồng thế chấp mà tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 được ký kết giữa ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng là vô hiệu.

- Ông Vũ Hưng T3 đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị An vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Ông Vũ Tiến P1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

** Ý kiến của VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:*

- Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn P1c thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309; Khoản 2 Điều 312; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị:

- + Đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Tiến P1;
- + Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn H1 về nội dung đề nghị Ngân hàng trả lại GCNQSD đất mang tên ông H1;
- + Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- + Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị A;
- + Chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn H1. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2015/ KDTM-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân TP T, tỉnh Thanh Hóa. Xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, luật sư và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Phòng công chứng số 1, đại diện UBND TP T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần. Do vậy, căn cứ Khoản 3 Điều 296 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Vũ Tiến P1 là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông P1 là phù hợp.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn H1:

Tại phiên tòa P1c thẩm ông H1 xin rút một phần yêu cầu độc lập về nội dung đề nghị Ngân hàng trả lại GCNQSD đất mang tên ông H1. Theo quy định tại khoản 4 điều 70 BLTTDS thì đương sự có quyền “Giữ nguyên, thay đổi, bỏ

sung hoặc rút yêu cầu theo quy định của bộ luật này”. Xét thấy tại bản án số 03/2017 – DSPT ngày 13/01/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án hủy quyết định cấp GCNQSD đất cho ông H1 của UBND TP T, buộc UBNDTP T thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đứng tên ông H1, nên ông H1 yêu cầu Ngân hàng trả GCNQSD đất là không còn cần thiết. Việc rút một phần yêu cầu độc lập của ông H1 là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên căn cứ Khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3]Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

3.1. Ngân hàng kháng cáo yêu cầu hủy Điểm 2, phần Quyết định của Bản án sơ thẩm *“Chấp nhận yêu cầu của ông H1 hủy bỏ Hợp đồng thế chấp... buộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...cho ông H1”*. Thấy rằng:

Theo Ngân hàng thì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 không vô hiệu bởi người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự, việc thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng số 1 Thanh Hóa và được đăng ký thế chấp theo quy định.

Tuy nhiên, nhà đất tại 128B T1, phường B, TP T là tài sản chung của ông Vũ Văn H1 và bà Trần Thị Dung (vợ ông H1). Bà Trần Thị Dung mất không để lại di chúc, $\frac{1}{2}$ nhà đất 128B T1 là di sản do bà Dung để lại cho các đồng thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông H1, các con chung của ông H1, bà Dung và bố mẹ đẻ của bà Dung. Việc ông H1 thế chấp toàn bộ nhà đất 128B T1 trong đó bao gồm cả di sản thừa kế do bà Dung để lại cho các đồng thừa kế là vi phạm điều cấm của pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 639 BLDS 2005: *Người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 638 của Bộ luật này không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp và định đoạt tài sản bằng các hình thức khác.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2016/DS-ST ngày 21/09/2016 của TAND TP T và Bản án dân sự P1c thẩm số 03/2017/DS-PT ngày 13/01/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Tuyên bố văn bản công chứng

ngày 21/04/2011 của Phòng công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa về phân chia di sản thừa kế giữa ông Trần Quốc Bình, bà Nguyễn Thị Khuy, ông Vũ Văn H1, chị Vũ Thị Thu Hương, anh Vũ Quang Huy vô hiệu; Hủy một phần Quyết định số 1674/QĐ – UBND ngày 27/04/2011 của UBND TP T về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số nhà 128B - T1 cho ông Vũ Văn H1, buộc UBND TP T thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE148308 ngày 27/04/2011 đứng tên ông Vũ Văn H1.

Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE148308 ngày 27/04/2011 do UBND TP T cấp cho ông Vũ Văn H1 được quyền sử dụng nhà đất 128B T1 đã bị hủy, không có cơ sở xác định nhà đất 128B - T1 thuộc quyền sở hữu của riêng ông Vũ Văn H1. Việc ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 - thế chấp nhà đất 128B, T1 để bảo lãnh cho Công ty TNHH được phẩm P là vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì các lý do trên, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng về nội dung này.

3.2. Ngân hàng kháng cáo yêu cầu sửa Điểm 4 Mục 1 của Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2015/KDTM - ST ngày 19/05/2015 của TAND TP T theo hướng buộc ông Vũ Văn H1 và những người bảo lãnh khác phải liên đới thực hiện trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 12.911.921.311 đồng trong trường hợp Công ty TNHH được phẩm P không trả được nợ, và tuyên rõ trong Bản án P1c thẩm: “Sau khi ông Vũ Văn H1 và Công ty TNHH được phẩm P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh của ông H1 thì Ngân hàng mới xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE148308 ngày 27/04/2011 cho ông Vũ Văn H1. Thấy rằng:

Trong nội dung của các HĐ thế chấp không có quy định những người bảo lãnh phải liên đới trả nợ thay cho bên vay, mà chỉ quy định xử lý tài sản bảo đảm trong một số trường hợp, trong đó có trường hợp “*khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ*” (Mục 5.1 Điều 5 HĐ thế chấp). Tại đơn khởi kiện Ngân hàng đã khởi kiện

người vay để đòi nợ mà không khởi kiện người bảo lãnh yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2015/KDTM - ST ngày 19/05/2015 của TAND TP T đã tuyên buộc Công ty TNHH được phẩm P phải trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng không có quyền yêu cầu ông Vũ Văn H1 và những người bảo lãnh khác phải liên đới thực hiện trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 12.911.921.311 đồng trong trường hợp Công ty TNHH được phẩm P không trả được nợ.

Mặt khác, Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 đã vi phạm điều cấm của pháp luật bị vô hiệu không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng kể từ thời điểm ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng xác lập Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN. Do vậy, Ngân hàng kháng cáo yêu cầu sửa Điểm 4 Mục 1 của Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2015/KDTM - ST ngày 19/05/2015 của TAND TP T theo hướng buộc ông Vũ Văn H1 và những người bảo lãnh khác phải liên đới thực hiện trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P và yêu cầu tuyên rõ trong Bản án P1c thẩm: *“Sau khi ông Vũ Văn H1 và Công ty TNHH được phẩm P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh của ông H1 thì Ngân hàng mới xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE148308 ngày 27/04/2011 cho ông Vũ Văn H1”* là không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm các đương sự không yêu cầu xem xét hậu quả của Hợp đồng thế chấp bị vô hiệu. Mặc dù ở phiên tòa sơ thẩm đại diện Ngân hàng có đề cập đến vấn đề này và tại phiên tòa P1c thẩm, Ngân hàng bổ sung kháng cáo yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của HĐ thế chấp vô hiệu, nhưng là vượt quá phạm vi khởi kiện và phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 284 BLTTDS Hội đồng xét xử không thể xem xét trong vụ án này.

Tuy nhiên, để xảy ra HĐ thế chấp vô hiệu là có lỗi của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng (Bên ngay tình) cần thiết phải dành cho Ngân hàng quyền khởi kiện để xử lý hậu

quả Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 bị vô hiệu bằng một vụ án khác nếu có căn cứ pháp luật và Ngân hàng có yêu cầu.

[4] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn H1: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên ông Vũ Văn H1 không phải trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 2.582.258.000 đồng trong trường hợp Công ty TNHH được phẩm P không trả được nợ.

Như đã phân tích ở phần xét kháng cáo của Ngân hàng, trong vụ án này ngân hàng đã lựa chọn khởi kiện đối với Người vay để đòi nợ mà không khởi kiện người bảo lãnh. Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2015/KDTM - ST ngày 19/05/2015 của TAND TP T đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty TNHH được phẩm P phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 12.911.921.311 đồng. Việc Bản án tuyên buộc ông Vũ Văn H1 có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 2.582.259.000 đồng trong khi Ngân hàng lựa chọn chỉ khởi kiện đối Công ty TNHH được phẩm P là mâu thuẫn và vượt quá phạm vi xét xử của tòa án đã được quy định tại Khoản 1 Điều 5 BLTTDS.

Do Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng kể từ thời điểm ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng xác lập Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Vũ Văn H1 thực hiện trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 2.582.259.000 đồng là không phù hợp, cần chấp nhận kháng cáo sửa Bản án KDTM sơ thẩmtuyên ông Vũ Văn H1 không phải trả nợ thay cho Công ty TNHH được phẩm P số tiền 2.582.258.000 đồng trong trường hợp Công ty TNHH được phẩm P không trả được nợ cho Ngân hàng.

[6] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị An: Đề đảm bảo cho khoản vay của HĐTD số 265/ 2011/HĐTD-KHDN ngày 20/10/2011 và HĐTD số 288/ 2012/HĐTD- KHDN ngày 20/11/2012 được ký kết giữa Công ty TNHH Được phẩm P và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngoài những tài sản bảo

đảm khác thì ông Vũ Hưng T3 và bà Hoàng Thị An đã ký hợp đồng thế chấp số 265 – 5/2011/HĐTC – KHDN ngày 09/12/2011. Việc ký kết HĐ giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung HĐ thế chấp phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và P1c thẩm ông T3, bà An cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho những nội dung kháng cáo của bà An là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bà An, giữ nguyên án sơ thẩm liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông T3, bà An là phù hợp.

[5] Một số nội dung không có kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của VKS nhưng để đảm bảo đúng thuật ngữ pháp luật, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thực định tại thời điểm giải quyết P1c thẩm, tạo thuận lợi cho việc thi hành án của các đương sự, thì án P1c thẩm cũng cần xem xét chỉnh sửa cho phù hợp. Cụ thể:

- Tại điểm e khoản 1 điều 21 NĐ 102/2017/NĐ - CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về một trong các trường hợp xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là “chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm” và tại khoản 1 điều 357 BLDS 2005 (Quy định tương ứng tại điều 327 BLDS 2015) quy định về một trong các trường hợp chấm dứt thế chấp tài sản là “Nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp chấm dứt”. Do đó, cần tuyên “ông H1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền nộp hồ sơ xóa đăng ký biện pháp bảo đảm” thay cho cụm từ “buộc Ngân hàng xóa thế chấp” thì mới phù hợp với luật thực định và bản án có tính khả thi.

- Bản án sơ thẩm tuyên hủy Hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 điều 410 của BLDS 2005 “*Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu từ điều 127 đến điều 138 của bộ luật này cũng được áp dụng đối với Hợp đồng vô hiệu*” (Quy định tương ứng tại điều 407 BLDS 2015), nên cần sửa về cách tuyên của án sơ thẩm, không tuyên hủy Hợp đồng thế chấp mà cần tuyên Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC – KHDN ngày 01/12/2011 được ký kết giữa ông Vũ Văn H1 và Ngân hàng là vô hiệu thì mới đúng thuật ngữ của pháp luật, và làm cơ sở cho các bên giải quyết hậu quả pháp lý do Hợp đồng vô hiệu khi có yêu cầu.

- Ở phần quyết định án sơ thẩm tuyên “Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa” là chưa chính

xác, không đúng chủ thể khởi kiện cần sửa lại nội dung này là “Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam”.

[6] Về án phí P1c thẩm: Cấp P1c thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn H1 sửa án sơ thẩm nên Ngân hàng, ông H1, bà An không phải chịu án phí P1c thẩm, được trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Vũ Tiến P1 bị đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo nên tiền tạm ứng án phí sung quỹ Nhà nước.

Những nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Điều 309; Khoản 2 Điều 148; Khoản 1, 2 Điều 244; Khoản 2 Điều 284; Khoản 3 Điều 296; Khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn H1 về nội dung buộc ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H1.

2. Đình chỉ xét xử Phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Tiến P1.

3. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam; Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị An; Chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn H1. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2015/KDTM-ST ngày 19/5/2015 của Tòa án nhân dân TP T, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng th-ơng mại cổ phần Ngoại th-ơng Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH Dược phẩm P phải trả cho Ngân hàng th-ơng mại cổ phần Ngoại th-ơng Việt Nam số tiền nợ 12.911.291.311đ trong đó gốc: 8.990.962.985đ; Tiền lãi 3.920.328.326đ trong đó lãi trong hạn là: 2.714.273.536đ, lãi phạt quá hạn là: 1.206.054.790đ

Kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm Công ty TNHH Dược phẩm P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Kể từ khi Ngân hàng TMCP Ngoại Th- ơng Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nh- ng Công ty CP Dược Phẩm P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên, thì Ngân hàng TMCP Ngoại Th- ơng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự TP Thanh Hóa kê biên để xử lý theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Dược phẩm P để đảm bảo cho việc thi hành án gồm:

+ 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên tổng diện tích đất 87,5m²; tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 06 địa chỉ 128 T1, ph- ờng B, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 963763 do UBND TP T cấp ngày 23/5/2006 cho ông Vũ Tiến P1 và bà Nguyễn Thị P2 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01150BDDQSDDD/1475/QĐ- CT

+ 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên tổng diện tích đất 334,0m²; tại thửa đất số 640a tờ bản đồ số 02 địa chỉ Thôn G, xã Quảng T3, TP T, cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG377888 do UBND huyện X cấp ngày 01/9/2009 cho ông Nguyễn Đức Tỉnh vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04481/QSDĐ.

+ 01 nhà hai tầng kiên cố công trình phụ khép kín đ- ợc xây dựng trên diện tích đất 80m²; tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 09 địa chỉ 05/18 Cao Điền, ph- ờng S, Tp Thanh Hóa cụ thể Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 2701082831 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/2/1996 cho ông Vũ Hưng T3 và bà Hoàng Thị An.

+ Diện tích đất 80m² thuộc thửa đất số 00 tờ bản đồ số 19 địa chỉ thửa đất lô 26- MBQH số 19XD/UBTH, phường Đông Sơn, TP T. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 682289 do UBND TP T cấp ngày 21/4/2006 cho ông Nguyễn Anh T4 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01402 ĐSQSDĐ/1077/QĐ- CT, đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Đỗ Mạnh

H2 sinh năm 1980 theo Hợp đồng chuyển nhượng được phòng công chứng số 3 tỉnh Thanh Hóa công chứng số 897 quyền 01 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29/8/2009

- Ông Vũ Văn H1 không phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH Dược Phẩm P số tiền 2.582.258.000đ trong trường hợp Công ty TNHH Dược Phẩm P không trả được cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

- Chấp nhận yêu cầu của ông H1 tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 11/12/2011 giữa Công ty P, Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa và ông Vũ Văn H1 là vô hiệu.

Ông H1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền nộp hồ sơ xóa đăng ký biện pháp bảo đảm liên quan đến nhà đất 128B, T1, p. B, TP T.

- Giành quyền cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam khởi kiện để yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp số 265-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 11/12/2011 bị vô hiệu bằng vụ án khác khi có căn cứ pháp luật và Ngân hàng có yêu cầu.

4. Về án phí: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, ông Vũ Văn H1, bà Hoàng Thị An không phải chịu án phí KDTM P1c thẩm, được trả tiền tạm ứng án phí 200.000đ đã nộp theo các biên lai thu số AA/2014/0004593 ngày 04/6/2015, số AA/2014/0004564 ngày 01/6/2015, AA/2014/0004589 ngày 04/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự TP T.

Ông Vũ Tiến P1 phải chịu 200.000đ án phí KDTM P1c thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0004588 ngày 04/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự TP T (Đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Những nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P1c thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- P10-VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TANDTP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P1C THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Dung